

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 24 - 7 - 2024

V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Đâu.

Bà Lý Ngọc Lan.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Hồng Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 18/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Phùng Thị Hồng G**, sinh năm 1979, (vắng mặt);

Địa chỉ: số nhà A, đường N, phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư **Trương Thị Thanh T** – Văn phòng L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng: Chị **Nguyễn Thị Thu S**, sinh năm 1989, (vắng mặt);

Địa chỉ: 1, ấp A, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. **Bị đơn:** Anh **Trần Văn K**, sinh năm 1948, (vắng mặt);

Địa chỉ: E N W, S, CA 91776 USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 08/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị **Phùng Thị Hồng G** trình bày:

Chị và anh K tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh T, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 116 ngày 14/3/2008. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp nên cãi vã mất hạnh phúc. Chị G cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị Phùng Thị Hồng G xin được ly hôn với anh Trần Văn K.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Trần Kim N, sinh ngày 06/11/2008. Hiện nay cháu N đang sống với chị G. Khi ly hôn chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, chị G có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Thu S nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án.

- Bị đơn là anh Trần Văn K không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt tại phiên tòa.

- Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị Hồng G, cho chị G được ly hôn với anh Trần Văn K. Về con chung: Giao con chung cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con do chị G chưa yêu cầu. Về án phí: Chị G phải chịu 300.000 đồng án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ; nghe ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là tranh chấp “*Xin ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Chị Phùng Thị Hồng G và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp Trương Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Trần Văn K đã được tổng đạt hợp lệ “Thông báo về việc thụ lý vụ án” bằng hình thức thông báo trên cổng thông tin điện tử của Đ tại Hoa Kỳ, theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228, điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị G, chị T và anh K.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị Hồng G, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Về hôn nhân: Chị Phùng Thị Hồng G và anh Trần Văn K tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh T theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 116 ngày 14/3/2008, nên quan hệ hôn nhân giữa chị G và anh K được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị G trình bày: Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, mặc dù chị G cũng cố gắng hàn gắn hạnh phúc nhưng không có kết quả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị G khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh K.

Đối với anh Trần Văn K, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt “Thông báo về việc thụ lý vụ án” cho anh K bằng hình thức thông báo trên cổng thông tin điện tử của Đ tại Hoa Kỳ nhưng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của anh K đối với yêu cầu khởi kiện của chị G. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của chị G và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xem xét yêu cầu của chị G.

Xét yêu cầu của chị G là có căn cứ, phù hợp pháp luật bởi lẽ mâu thuẫn giữa hai bên đã trở nên trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị G xin ly hôn với anh K là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Theo chị G trình bày quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Trần Kim N, sinh ngày 06/11/2008, hiện đang sống chung với chị G. Khi ly hôn, chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu này phù hợp với điều kiện sinh sống hiện tại của chị G. Qua xác minh tại địa phương thấy rằng hiện nay cháu Trần Kim N đang sống cùng với chị G và chị G có đủ điều kiện nuôi con. Cho nên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị G về việc nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị G khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Phùng Thị Hồng G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp.

[5]. Về chi phí tố tụng: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có cơ sở, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 227, Điều 228, điểm c khoản 6 Điều 477, Điều 273; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phùng Thị Hồng G.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phùng Thị Hồng G ly hôn với anh Trần Văn K.

- Về con chung:

Chị Phùng Thị Hồng G được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Kim N, sinh ngày 06/11/2008.

Anh Trần Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Phùng Thị Hồng G chưa yêu cầu.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Về án phí: chị Phùng Thị Hồng G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000496 ngày 03/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Phùng Thị Hồng G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Anh Trần Văn K được kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- UBND tỉnh Tiền Giang;
- UBND phường 8, thành phố M, Tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thu Thủy

